

Số: 1129/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án chấm điểm các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: S
	Ngày: 25/6/2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại văn bản số 7803/BTC-PTHT ngày 09 tháng 6 năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án chấm điểm các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

Điều 2. Mục tiêu

1. Phản ánh kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được giao cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương làm cơ sở để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

2. Kết quả chấm điểm giải ngân đầu tư công cả năm là một trong các tiêu chí để đánh giá hiệu quả đầu tư công; được sử dụng để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân. Kết quả chấm điểm giải ngân hàng tháng, hàng quý phục vụ biểu dương đối với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện giải ngân tốt và đôn đốc, nhắc nhở, cảnh báo đối với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chưa tốt.

3. Nâng cao trách nhiệm, ý thức, tính chủ động chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần chủ động của tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công; trong thực thi chế độ báo cáo về tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.

4. Đồng bộ với phương thức theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công việc phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong bối cảnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

Điều 3. Nguyên tắc chấm điểm

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, hài hòa với bối cảnh giải ngân kế hoạch đầu tư công chung của cả nước.

2. Thực hiện chấm điểm tự động định kỳ hằng tháng, hằng quý và cả năm trên hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Tài chính và truyền dữ liệu sang Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

3. Chấm điểm giải ngân dựa trên:

a) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn được giao của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo Quyết định giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của Thủ tướng Chính phủ (trên cơ sở so sánh với tỷ lệ giải ngân chung của cả nước hằng tháng, hằng quý đối với kỳ chấm điểm hằng tháng, hằng quý và so sánh với mục tiêu giải ngân cả năm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với kỳ chấm điểm cả năm).

b) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương so với số vốn đăng ký giải ngân trong kỳ chấm điểm.

c) Việc chấp hành chế độ báo cáo về giải ngân đầu tư công.

4. Cho phép giảm trừ ra khỏi nhiệm vụ giải ngân và phương án tính điểm Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đối với:

- Phần kế hoạch vốn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương không còn nhu cầu sử dụng (do tiết kiệm một số nhiệm vụ chi của dự án như: tiết kiệm trong đấu thầu, không sử dụng chi phí dự phòng, giảm sau quyết toán dự án hoàn thành) và có văn bản xác nhận không còn nhu cầu sử dụng. Nguyên tắc loại trừ này được áp dụng cho kỳ chấm điểm cả năm.

- Phần kế hoạch vốn để thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công mà các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công này được cấp có thẩm quyền cho phép dừng thực hiện hoặc giao cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương khác thực hiện. Việc loại trừ này được áp dụng cho các kỳ chấm điểm ngay sau thời điểm cấp có thẩm quyền quyết định việc dừng hoặc điều chuyển nhiệm vụ, chương trình, dự án.

Đối với kế hoạch năm 2026, phần 5% kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách địa phương thực hiện tiết kiệm để đầu tư cho đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng sẽ được phép giảm trừ ra khỏi nhiệm vụ giải ngân và phương án tính điểm hằng tháng, hằng quý của các địa phương (đồng thời giảm trừ tương ứng đối với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao cho cả nước) cho đến khi cấp có thẩm quyền quyết định phương án sử dụng nguồn vốn này.

5. Đối với kế hoạch vốn hằng năm được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung sau ngày 30 tháng 9:

a) Trường hợp được giao trong tháng 10: bắt đầu thực hiện chấm điểm giải ngân từ kỳ chấm điểm tháng 11 đối với $\frac{1}{4}$ kế hoạch vốn được giao bổ sung.

b) Trường hợp được giao trong tháng 11: bắt đầu thực hiện chấm điểm giải ngân từ kỳ chấm điểm tháng 12 đối với $\frac{1}{5}$ kế hoạch vốn được giao bổ sung.

c) Trường hợp kế hoạch vốn được giao sau ngày 30/11 hằng năm: không tính vào phương án chấm điểm giải ngân.

6. Thực hiện tính điểm trừ và điểm cộng vào kết quả chấm điểm của kỳ chấm điểm cả năm đối với việc điều chuyển và nhận điều chuyển kế hoạch vốn theo nguyên tắc sau:

a) Bộ, cơ quan trung ương, địa phương điều chuyển giảm vốn (nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này): Tại thời điểm chấm điểm của kỳ chấm điểm năm, lũy kế số vốn điều chuyển giảm (sau khi đã bù trừ phần kế hoạch vốn nhận điều chuyển tăng (nếu có)) nếu lớn hơn 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ bị trừ 05 điểm, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ bị trừ 02 điểm.

b) Bộ, cơ quan trung ương, địa phương nhận điều chuyển tăng vốn: Tại thời điểm chấm điểm của kỳ chấm điểm năm, lũy kế số vốn nhận điều chuyển tăng (sau khi đã bù trừ phần kế hoạch vốn điều chuyển giảm (nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) (nếu có)) nếu lớn hơn 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ được cộng thêm 05 điểm, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ được cộng thêm 02 điểm.

7. Việc đánh giá kết quả giải ngân cả năm độc lập với kết quả giải ngân hằng tháng, hằng quý.

Điều 4. Các chỉ tiêu chấm điểm và nguyên tắc tính

1. Kỳ chấm điểm hằng tháng

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch (sau đây gọi tắt là giải ngân KHV kéo dài). Điểm tối đa: 100 điểm. Gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 1.1: Tiến độ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với mức bình quân chung của cả nước. Điểm tối đa là 50 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung cả nước tính đến hết tháng.

- Chỉ tiêu 1.2: Tiến độ giải ngân KHV kéo dài thực tế so với tiến độ đơn vị đăng ký thực hiện. Điểm tối đa là 45 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên tỷ lệ giữa số KHV kéo dài thực tế giải ngân trong tháng và số KHV kéo dài đăng ký giải ngân trong tháng.

- Chỉ tiêu 1.3: Chấp hành chế độ báo cáo về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên Hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính (sau đây gọi tắt là chấp hành chế độ báo cáo). Điểm tối đa: 05 điểm.

Nguyên tắc tính: Nhập bổ sung dữ liệu lên Hệ thống đúng thời hạn quy định: 05 điểm. Chưa nhập bổ sung dữ liệu trong thời hạn quy định: 0 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao trong năm kế hoạch (sau đây gọi tắt là giải ngân KHV năm). Gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tiến độ giải ngân KHV năm của đơn vị so với mức bình quân chung của cả nước. Điểm tối đa là 50 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân của đơn vị với tỷ lệ giải ngân của cả nước (tương ứng với từng nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (NSTW) và vốn cân đối ngân sách địa phương (CĐNSDP)).

- Chỉ tiêu 2.2: Tiến độ giải ngân KHV năm thực tế so với tiến độ giải ngân đơn vị đăng ký thực hiện. Điểm tối đa là 45 điểm. Nguyên tắc tính điểm: Dựa trên tỷ lệ giữa số KHV năm thực tế giải ngân trong tháng và số KHV năm đăng ký giải ngân trong tháng.

- Chỉ tiêu 2.3: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự chỉ tiêu 1.3). Điểm tối đa: 05 điểm.

2. Kỳ chấm điểm hàng Quý

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân KHV kéo dài từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch. Điểm tối đa là 100 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung cả nước tính đến hết Quý.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân KHV năm. Điểm tối đa là 100 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV năm của đơn vị với tỷ lệ giải ngân KHV năm bình quân chung cả nước tính đến hết Quý.

3. Kỳ chấm điểm cả năm

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân KHV kéo dài. Điểm tối đa: 100 điểm. Gồm 02 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 1.1: Tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài so với tỷ lệ giải ngân phải hoàn thành tính đến hết ngày 31/12 của năm kế hoạch. Điểm tối đa là 95 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung cả nước tính đến hết năm.

- Chỉ tiêu 1.2: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự như kỳ chấm điểm hàng tháng). Điểm tối đa: 05 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân KHV năm. Điểm tối đa: 100 điểm. Gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ giải ngân KHV năm so với tỷ lệ giải ngân cả nước phải hoàn thành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tính đến hết 31/01 của năm sau kế hoạch. Điểm tối đa là 95 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân của đơn vị với tỷ lệ giải ngân cả nước phải hoàn thành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (tương ứng với từng nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (NSTW) và vốn cân đối ngân sách địa phương (CĐNSDP)).

- Chi tiêu 2.2: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự như kỳ chấm điểm hằng tháng). Điểm tối đa: 05 điểm.

- Chi tiêu 2.3: Điểm cộng (hoặc trừ) tương ứng do nhận điều chuyển (hoặc điều chuyển giảm) kế hoạch vốn.

Điều 5. Cách đánh giá kết quả giải ngân dựa trên kết quả chấm điểm

Định kỳ, trên cơ sở so sánh giữa tổng điểm chỉ tiêu của đơn vị và mốc điểm đánh giá để phân loại mức độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công gồm: giải ngân rất tốt, giải ngân tốt, giải ngân trung bình và giải ngân chưa tốt.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo cơ quan chức năng thực hiện:

a) Nghiêm túc thực hiện nhập dữ liệu kế hoạch vốn đăng ký giải ngân trong tháng và chấp hành chế độ báo cáo hiện hành của Bộ Tài chính theo quy định. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện về dữ liệu nhập trên các hệ thống của Bộ Tài chính.

b) Chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính (các đơn vị chức năng thực hiện quản lý và giải ngân vốn, bao gồm cả Kho bạc Nhà nước các cấp) để rà soát, đối chiếu, cập nhật số liệu giải ngân thực tế định kỳ hằng tuần, hằng tháng và cả năm, đảm bảo kịp thời, chính xác và thống nhất.

c) Đối với trường hợp phải giải trình, thay đổi kết quả chấm điểm giải ngân cả năm, yêu cầu các đơn vị tính toán chính xác và chịu trách nhiệm về số liệu điều chỉnh; cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng cụ thể trong quá trình giải trình theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

d) Rà soát lại các đầu mối thực hiện báo cáo và thống nhất một đầu mối duy nhất (đăng ký một tài khoản do Bộ Tài chính cấp) để thực hiện việc nhập đầy đủ dữ liệu phục vụ chấm điểm lên hệ thống của Bộ Tài chính.

2. Bộ Tài chính chủ trì:

a) Quy định chi tiết về cách thức chấm điểm và đánh giá kết quả, phân loại mức độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; tổ chức triển khai công tác chấm điểm thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

b) Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về nhập dữ liệu trên hệ thống của Bộ Tài chính.

c) Triển khai thực hiện chấm điểm giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công định kỳ hằng tháng, hằng quý và cả năm trên hệ thống của Bộ Tài chính, công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và truyền dữ liệu sang Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Thời gian chạy thử phương án chấm điểm: 3 tháng kể từ tháng 7 năm 2026 (tương ứng kỳ báo cáo tháng 7, tháng 8, tháng 9 và Quý III).
3. Thời gian chính thức thực hiện và áp dụng kết quả chấm điểm: từ kỳ báo cáo tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan khác ở Trung ương, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước;
- Các Ngân hàng: Phát triển Việt Nam, Chính sách xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTT, các Vụ, Cục, đơn vị;
- Lưu: VT, KTTH (2b). Báo 16

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng
Nguyễn Văn Thắng